

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH**

Báo cáo tài chính quý 3 năm 2017



**MỤC LỤC**

	Trang
<b>1. Báo cáo của Ban Giám đốc</b>	2 - 5
<b>2. Báo cáo tài chính quý 3 năm 2017</b>	
- Bảng cân đối kế toán quý 3 năm 2017	6 - 7
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý 3 năm 2017	8
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ quý 3 năm 2017	9
- Bản Thuyết minh báo cáo tài chính quý 3 năm 2017	10-34

23  
C  
C  
N  
B  
S

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/05/2017 và kết thúc vào ngày 30/09/2017

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nước Sạch Bắc Ninh (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính quý 3 năm 2017 cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/05/2017 và kết thúc vào ngày 30/09/2017 của Công ty.

**1. Thông tin chung**

Công ty Cổ phần Nước Sạch Bắc Ninh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Bắc Ninh theo quyết định số 500/QĐ-UBND ngày 03/12/2015 do UBND tỉnh Bắc Ninh ban hành. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 2300108311 thay đổi lần thứ 3 ngày 03/05/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bắc Ninh cấp.

Ngày 18/07/2017, Công ty nhận được công văn số 5203/UBCK-GSĐC của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 2300108311 thay đổi lần thứ 3 ngày 03/05/2017, vốn điều lệ của Công ty là 375.493.910.000 VND được chia thành 37.549.391 cổ phần, cụ thể như sau:

<b>Tên cổ đông</b>	<b>Số vốn góp (VND)</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
Vốn góp của Nhà nước	184.202.790.000	49,06%
Vốn góp cổ đông	191.291.120.000	50,94%
<b>Tổng cộng</b>	<b>375.493.910.000</b>	<b>100%</b>

Tuy nhiên, đến thời điểm lập báo cáo tài chính quý 3 năm 2017 này thì chi phí cổ phần hóa và quyết toán vốn Nhà nước chưa được phê duyệt. Theo đó, Công ty chưa hoàn tất thủ tục bàn giao từ Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Ninh (công ty cổ phần hóa) và số vốn góp thực tế đang thấp hơn trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2300108311 ngày 03/05/2017.

**2. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban giám đốc**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị của Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>	
- Ông Nguyễn Tiến Long	Chủ tịch	(i)
- Ông Vũ Hữu Tân	Phó Chủ tịch	(i)
- Ông Trần Đại Hải	Thành viên	(i)
- Bà Vũ Thị Chuyên	Thành viên	(i)
- Ông Ngô Minh Châu	Thành viên	(i)

(i) Theo Nghị quyết lần thứ nhất ngày 18/04/2017 của Đại hội đồng cổ đông.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/05/2017 và kết thúc vào ngày 30/09/2017

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>	
- Bà Trần Thị Hương	Trưởng ban	(i)
- Ông Nguyễn Bá An	Ủy viên	(i)
- Bà Nguyễn Thị Mai Lan	Ủy viên	(i)

(i) Theo Nghị quyết lần thứ nhất ngày 18/04/2017 của Đại hội đồng cổ đông.

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>	
- Ông Vũ Hữu Tân	Tổng giám đốc	(i)
- Ông Trần Đại Hải	Phó Tổng giám đốc	(i)
- Ông Lưu Xuân Tâm	Phó Tổng giám đốc	(i)

(i) Theo Nghị quyết số 01/2017/NQ/HĐQT-BNW ngày 18/04/2017 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh.

**3. Trụ sở**

Công ty có trụ sở chính tại: Số 57 Ngô Gia Tự, Thành Phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh.

**4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh**

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 30/09/2017 và kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/05/2017 và kết thúc vào ngày 30/09/2017 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính quý 3 năm 2017 đã được soát xét đính kèm.

**5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ**

Ngày 18/07/2017, Công ty được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng theo công văn số 5203/UBCK-GSĐC.

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính quý 3 năm 2017 đã được soát xét của Công ty bị phản ánh sai lệch.

**6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính quý 3 năm 2017 và đảm bảo Báo cáo tài chính quý 3 năm 2017 đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30/09/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/05/2017 và kết thúc vào ngày 30/09/2017 của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính quý 3 năm 2017 này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính quý 3 năm 2017 không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/05/2017 và kết thúc vào ngày 30/09/2017

- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính quý 3 năm 2017 hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính quý 3 năm 2017 trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính quý 3 năm 2017;
- Lập Báo cáo tài chính quý 3 năm 2017 trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính quý 3 năm 2017 và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính quý 3 năm 2017 của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính quý 3 năm 2017.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính quý 3 năm 2017 cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/05/2017 và kết thúc vào ngày 30/09/2017 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH**

Địa chỉ: Số 57 Ngô Gia Tự, Thành Phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

---

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/05/2017 và kết thúc vào ngày 30/09/2017

**7. Ý kiến của Ban Giám đốc**

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính quý 3 năm 2017 đã được soát xét (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30/09/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính từ ngày 01/05/2017 và kết thúc vào ngày 30/09/2017 được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính quý 3 năm 2017.

Bắc Ninh, ngày 16 tháng 10 năm 2017

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



Vũ Hữu Tân

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH**

Địa chỉ: Số 57 Ngô Gia Tự, Thành Phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN QUÝ 3 NĂM 2017**

Ngày 30 tháng 09 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	TM	30/09/2017	01/05/2017
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100)</b> <b>=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>248.610.549.131</b>	<b>237.596.199.800</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.1	<b>9.327.196.797</b>	<b>27.027.048.463</b>
1. Tiền	111		4.636.749.590	4.289.684.063
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.690.447.207	22.737.364.400
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>180.075.520.000</b>	<b>180.075.520.000</b>
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	180.075.520.000	180.075.520.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>42.436.688.287</b>	<b>14.680.359.409</b>
1. Phải thu ngắn hạn khách hàng	131	V.3	8.003.006.753	9.421.030.018
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	27.901.707.680	460.000.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	V.5	2.203.080.160	2.203.080.160
6. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	4.328.893.694	2.596.249.231
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>12.086.822.988</b>	<b>12.365.022.636</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.7	12.086.822.988	12.365.022.636
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.684.321.059</b>	<b>3.448.249.292</b>
3. Thuế và các khoản khác phải thu của nhà nước	153	V.14	4.684.321.059	3.448.249.292
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> <b>(200=210+220+240+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>319.141.095.419</b>	<b>295.605.493.569</b>
<b>I- Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>856.324.843</b>	<b>856.324.843</b>
6. Phải thu dài hạn khác	216		856.324.843	856.324.843
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>220.401.527.772</b>	<b>218.006.568.199</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	216.283.772.487	213.717.508.887
- Nguyên giá	222		409.191.246.809	400.117.454.707
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(192.907.474.322)	(186.399.945.820)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	4.117.755.285	4.289.059.312
- Nguyên giá	228		5.687.415.300	5.687.415.300
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1.569.660.015)	(1.398.355.988)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.10</b>	<b>95.017.962.751</b>	<b>72.344.513.977</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		13.402.315.862	14.001.961.130
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		81.615.646.889	58.342.552.847
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.11	<b>1.650.000.000</b>	<b>3.300.000.000</b>
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.650.000.000	3.300.000.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.215.280.053</b>	<b>1.098.086.550</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	1.215.280.053	1.098.086.550
<b>TỔNG CÔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>567.751.644.550</b>	<b>533.201.693.369</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH**

Địa chỉ: Số 57 Ngô Gia Tự, Thành Phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN QUÝ 3 NĂM 2017 (Tiếp theo)**

Ngày 30 tháng 09 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	TM	30/09/2017	01/05/2017
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 320)</b>	<b>300</b>		<b>187.964.264.394</b>	<b>158.132.273.441</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>71.303.954.759</b>	<b>48.267.889.807</b>
1. Phải trả ngắn hạn người bán	311	V.13	32.231.205.809	24.717.297.319
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		280.142.289	564.027.732
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	4.760.948.316	4.043.241.393
4. Phải trả người lao động	314		6.702.138.921	3.331.517.118
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		296.852.016	407.261.331
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	V.15	1.063.494.923	641.778.366
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	969.948.805	8.827.436.548
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	24.999.223.680	5.735.330.000
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>116.660.309.635</b>	<b>109.864.383.634</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331	V.13	730.766.825	6.985.716.284
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16	61.679.873.775	47.433.410.079
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	54.249.669.035	55.445.257.271
<b>B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 420)</b>	<b>400</b>		<b>379.787.380.156</b>	<b>375.069.419.928</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>379.787.380.156</b>	<b>375.069.419.928</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.18	375.069.419.928	375.069.419.928
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.717.960.228	
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430 = 300 + 400)</b>	<b>430</b>		<b>567.751.644.550</b>	<b>533.201.693.369</b>

Bắc Ninh, ngày 16 tháng 10 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thu Dung

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Đình Tôn

TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Hữu Tân



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH**

Địa chỉ: Số 57 Ngô Gia Tự, Thành Phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUÝ 3 NĂM 2017**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/05/2017 và kết thúc vào ngày 30/09/2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	1/7/2017-30/09/2017	Từ 1/5/2017-30/09/2017
(1)	(2)		(3)	(4)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	31.268.436.077	49.020.047.274
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 03)	10		31.268.436.077	49.020.047.274
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	23.196.282.899	39.024.283.443
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		8.072.153.178	9.995.763.831
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	442.172.681	526.871.740
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	605.795.096	809.425.762
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		605.795.096	809.425.762
9. Chi phí bán hàng	25			
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	2.755.814.201	3.873.217.289
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)+24-(25+26)}	30		5.152.716.562	5.839.992.520
12. Thu nhập khác	31	VI.6		35.045.000
13. Chi phí khác	32		3.712.234	3.712.234
14. Lợi nhuận khác : ( 40 = 31 - 32 )	40		(3.712.234)	31.332.766
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế : ( 50 = 30 + 40 )	50		5.149.004.328	5.871.325.286
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	986.900.866	1.131.365.057
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp : (60 = 50 - 51 )	60		4.162.103.462	4.739.960.229
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70		110,84	126,23

Bắc Ninh, ngày 16 tháng 10 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thu Dung

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Đình Tôn

TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Hữu Tân

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH**

Địa chỉ: Số 57 Ngô Gia Tự, Thành Phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ QUÝ 3 NĂM 2017 (Theo phương pháp gián tiếp)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/05/2017 và kết thúc vào ngày 30/09/2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	1/7/2017- 30/09/2017	Từ 1/5/2017- 30/09/2017
(1)	(2)	(3)	(4)
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	5.149.004.328	5.871.325.286
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	4.022.645.245	6.678.832.529
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(442.172.681)	(526.871.740)
- Chi phí lãi vay	06	605.795.096	809.425.762
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>9.335.271.988</b>	<b>12.832.711.837</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(3.576.787.699)	(8.442.395.656)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(1.918.010.368)	877.844.916
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	4.829.943.607	995.811.367
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(175.008.516)	(117.193.503)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(308.943.080)	(919.835.077)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(190.525.743)	(190.525.743)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	35.045.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(9.712.234)	(25.712.234)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>7.986.227.955</b>	<b>5.045.750.907</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(14.014.844.628)	(41.340.779.757)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	442.172.681	526.871.740
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(13.572.671.947)</b>	<b>(40.813.908.017)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
3. Tiền thu từ đi vay	33	-	31.113.355.204
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(10.588.000.000)	(13.045.049.760)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(10.588.000.000)</b>	<b>18.068.305.444</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>(16.174.443.992)</b>	<b>(17.699.851.666)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>25.501.640.789</b>	<b>27.027.048.463</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>9.327.196.797</b>	<b>9.327.196.797</b>

Bắc Ninh, ngày 16 tháng 10 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thu Dung

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Đình Tôn

TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Hữu Tân

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/05/2017 và kết thúc vào ngày 30/09/2017

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Nước Sạch Bắc Ninh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Bắc Ninh theo quyết định số 500/QĐ-UBND ngày 03/12/2015 do UBND tỉnh Bắc Ninh ban hành. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 2300108311 đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 03/05/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bắc Ninh cấp.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:**

Sản xuất và kinh doanh nước sạch; Xây dựng các công trình cấp thoát nước; Xây lắp hệ thống điện cao thế đến 35KV; Xây dựng nhà dân dụng và Công nghiệp; Xây dựng các công trình hạ tầng đô thị; Xây dựng kênh mương, trạm bơm, trạm giao thông nông thôn; Xây dựng đường nông thôn nội tỉnh; Kinh doanh vật tư thiết bị ngành cấp thoát nước; Kinh doanh bất động sản; Quản lý vận hành hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đô thị và khu công nghiệp.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp:**

Công ty có trụ sở chính tại: Số 57 Ngô Gia Tự, Thành Phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh.

Đến ngày 30/09/2017, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 329 người, trong đó số cán bộ quản lý là 28 người.

**2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

**3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Ngày bàn giao và chính thức chuyển đổi từ Công ty TNHH sang Công ty cổ phần là ngày 01/05/2017, tuy nhiên do ngày 01/05/2017 và ngày 02/05/2017 là ngày nghỉ lễ nên Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bắc Ninh đã cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là ngày 03/05/2017. Do đó, Báo cáo tài chính quý 3 năm 2017 này được lập cho kỳ tài chính đầu tiên của Công ty sau khi chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần, được bắt đầu từ ngày 01/05/2017 và kết thúc vào ngày 30/09/2017.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/05/2017 và kết thúc vào ngày 30/09/2017

**4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG**

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính quý 3 năm 2017 này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/05/2017 và kết thúc vào ngày 30/09/2017 của Công ty.

**4.1 Ước tính kế toán**

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính quý 3 năm 2017 cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/05/2017 và kết thúc vào ngày 30/09/2017 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Giám đốc Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**4.3. Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp khoản được chia từ lợi nhuận thuần lý kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- (i) Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- (ii) Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- (iii) Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

***Các khoản đầu tư tài chính dài hạn:***

- Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của bên đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

**4.4 Nợ phải thu**

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/05/2017 và kết thúc vào ngày 30/09/2017

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

**4.5 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- |  |   |
|--|---|
| - Giá trị nguyên vật liệu                  | Phương pháp bình quân gia quyền                       |
| - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang khác | Chi phí phát sinh thực tế cho từng giai đoạn sản xuất |

**4.6 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

**4.6.1 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên giá và giá trị còn lại của các TSCĐ của Công ty Cổ phần nước sạch Bắc Ninh nhận bàn giao từ Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Ninh (Công ty cổ phần hóa) tại ngày 01/05/2017 được ghi nhận theo giá trị bàn giao. Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/05/2017 và kết thúc vào ngày 30/09/2017

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30 năm
- Máy móc thiết bị	05 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 30 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	05 - 08 năm
- Tài sản cố định hữu hình khác	07 - 25 năm

Tài sản cố định hữu hình khác của Công ty là các công trình xử lý nước, đường giếng bơm, tuyến đường vào giếng.

**4.6.2 Tài sản cố định vô hình**

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định:

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của Công ty như sau:

- Tài sản vô hình khác	14 năm
- Phần mềm máy tính	05 năm

Tài sản vô hình khác của Công ty là Chi phí giải phóng đền bù của các Dự án nhà máy nước sạch.

**4.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng của Nhà nước, các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành và mua sắm máy móc, thiết bị hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền về quản lý đầu tư phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về các công trình xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị này sẽ phụ thuộc vào phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

**4.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

**4.9 Nợ phải trả**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/05/2017 và kết thúc vào ngày 30/09/2017

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;

**4.10 Chi phí đi vay và vốn hóa các khoản đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong kỳ trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong kỳ trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang đó.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết và sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán ra đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính.

**4.11 Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc kỳ tài chính, bao gồm chi phí lãi vay. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**4.12 Vốn chủ sở hữu**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 2300108311 thay đổi lần thứ 3 ngày 03/05/2017, vốn điều lệ của Công ty là 375.493.910.000 VND được chia thành 37.549.391 cổ phần, đến ngày 30/09/2017 các cổ đông đã góp vốn cổ phần vào Công ty như sau:

Nhà đầu tư	Vốn điều lệ		
	Theo GCNKD (VND)	Vốn thực góp (VND)	%
Vốn góp của Nhà nước	184.202.790.000	183.778.299.928	99,77%
Vốn góp cổ đông	191.291.120.000	191.291.120.000	100%
<b>Tổng cộng</b>	<b>375.493.910.000</b>	<b>375.069.419.928</b>	<b>99,89%</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/05/2017 và kết thúc vào ngày 30/09/2017

Tuy nhiên, đến thời điểm lập báo cáo tài chính quý 3 năm 2017 này thì chi phí cổ phần hóa và quyết toán vốn Nhà nước chưa được phê duyệt. Theo đó, Công ty chưa hoàn tất thủ tục bàn giao từ Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Ninh (công ty cổ phần hóa) và số vốn góp thực tế đang thấp hơn trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2300108311 ngày 03/05/2017.

**4.13 Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng;
- (ii) Doanh thu xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ, khi Công ty đảm bảo thu được lợi ích từ hợp đồng xây dựng và chi phí để hoàn thành phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập Báo cáo tài chính quý 3 năm 2017 được tính toán một cách tin cậy;
- (iii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận;
- (iv) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**4.14 Giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của thành phẩm, dịch vụ bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

**4.15 Chi phí tài chính**

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hoá theo quy định phát sinh trong kỳ tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay là lãi vay phải trả trong kỳ của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

**4.16 Thuế**

***Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):***

Dịch vụ cung cấp nước sạch thuế GTGT là 5% ; đối với dịch vụ xây lắp và nước tinh khiết thuế GTGT là 10%.

***Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):***



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/05/2017 và kết thúc vào ngày 30/09/2017

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hàng năm là 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong kỳ gồm thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

**Thuế tài nguyên:**

Chi phí thuế tài nguyên được xác định trên cơ sở sản lượng nước khai thác, giá tính thuế do UBND tỉnh Bắc Ninh quy định và thuế suất thuế tài nguyên nước.

**Các loại thuế khác:** theo quy định hiện hành của Việt Nam.

**4.17 Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**4.18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**4.19 Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH**

Địa chỉ: Số 57 Ngô Gia Tự, Thành Phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/05/2017 và kết thúc vào ngày 30/09/2017

Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính quý 3 năm 2017 của Công ty nhằm mục đích giúp người sử dụng báo cáo tài chính quý 3 năm 2017 hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN QUÝ 3 NĂM 2017****V.1. Tiền và tương đương tiền**

	<u>30/09/2017</u>	<u>01/05/2017</u>
Tiền mặt (i)	835.673.075	1.782.127.828
Tiền gửi ngân hàng (ii)	3.801.076.515	2.507.556.235
Các khoản tương đương tiền (iii)	4.690.447.207	22.737.364.400
<b>Cộng</b>	<b>9.327.196.797</b>	<b>27.027.048.463</b>
(i) Số dư tiền mặt tại quỹ vào ngày 30/09/2017 bao gồm:	<b>Nguyên tệ</b>	<b>VND</b>
Ngoại tệ	-	-
Đồng Việt Nam		835.673.075
<b>Cộng</b>		<b>835.673.075</b>
(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 30/09/2017 bao gồm:	<b>Nguyên tệ</b>	<b>VND</b>
Ngoại tệ	-	-
Đồng Việt Nam		2.571.224.456
Tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh Bắc Ninh		1.228.905.676
Tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Kinh Bắc		946.383
Tại ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam Chi nhánh Từ Sơn		-
<b>Cộng</b>	-	<b>3.801.076.515</b>
(iii) Các khoản tương đương tiền tại ngày 30/09/2017 bao gồm:	<b>Nguyên tệ</b>	<b>VND</b>
Ngoại tệ	-	-
Đồng Việt Nam		4.162.178.912
Tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh Bắc Ninh (*)		528.268.295
Tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Kinh Bắc (**)		-
<b>Cộng</b>	-	<b>4.690.447.207</b>

(\*) Bao gồm 4 hợp đồng tiền gửi với tổng số tiền 4.162.178.912 đồng với kỳ hạn 1 tháng lãi suất từ 4,0%/năm đến 4,5%/năm.

(\*\*) Bao gồm 1 hợp đồng tiền gửi ngày 29/06/2017 với số tiền 528.268.295 đồng với lãi suất 4,3%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH**

Địa chỉ: Số 57 Ngô Gia Tự, Thành Phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/05/2017 và kết thúc vào ngày 30/09/2017

**V.2. Đầu tư tài chính ngắn hạn**

	30/09/2017		01/05/2017	
	VND	VND	VND	VND
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:</b>	<b>180.075.520.000</b>	<b>180.075.520.000</b>	<b>180.075.520.000</b>	<b>180.075.520.000</b>
Ngắn hạn:				
Tại ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam Chi nhánh Từ Sơn (i)	150.000.000.000	150.000.000.000	150.000.000.000	150.000.000.000
Tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Kinh Bắc (ii)	30.075.520.000	30.075.520.000	30.075.520.000	30.075.520.000

- (i) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn HETG01/CAP THOAT NUOC BN-BIDVTS ngày 10/04/2017 với số tiền 150.000.000.000 đồng kỳ hạn 12 tháng với lãi suất 6,5%/năm.
- (ii) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 02/2017/4474024/HDTG ngày 10/04/2017 với số tiền 30.075.520.000 đồng kỳ hạn 6 tháng với lãi suất 5,3%/năm. Hợp đồng này đang được thế chấp cho Hợp đồng thấu chi số 01/2017/4474024/HĐ ngày 29/06/2017.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH**

Địa chỉ: Số 57 Ngô Gia Tự, Thành Phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/05/2017 và kết thúc vào ngày 30/09/2017

<b>V.3. Phải thu của khách hàng</b>		
	<b>30/09/2017</b>	<b>01/05/2017</b>
<b>a) Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>8.003.006.753</b>	<b>9.421.030.018</b>
Khách hàng mua nước khu vực Bắc Ninh	2.263.800.718	860.574.294
Gói thầu 3 Hệ thống điện, công viên cây xanh, đấu giá quyền sử dụng đất tạo vốn xã Nam Sơn-Vân Dương	318.611.000	4.864.653.000
Gói thầu 3 Hệ thống điện K15	1.185.188.000	1.185.188.000
Khách hàng khác	4.235.407.035	2.510.614.724
<b>b) Phải thu khách hàng dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>8.003.006.753</b>	<b>9.421.030.018</b>
<b>V.4. Trả trước cho người bán</b>		
	<b>30/09/2017</b>	<b>01/05/2017</b>
<b>a) Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>27.901.707.680</b>	<b>460.000.000</b>
Công ty TNHH Cơ điện HAWACO	1.541.107.680	200.000.000
Tổng Cty đầu tư nước và môi trường Việt Nam	25.200.000.000	-
Công ty CP tư vấn Đầu tư và XD Bắc Ninh	-	260.000.000
Trả trước cho người bán khác	1.160.600.000	-
<b>b) Trả trước cho người bán dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>27.901.707.680</b>	<b>460.000.000</b>
<b>V.5. Phải thu nội bộ</b>		
	<b>30/09/2017</b>	<b>01/05/2017</b>
<b>a) Phải thu nội bộ ngắn hạn</b>	<b>2.203.080.160</b>	<b>2.203.080.160</b>
Ban quản lý nhà máy nước Gia Bình	1.895.795.360	1.895.795.360
Dự án cấp nước GD 1	-	-
Dự án thoát nước và xử lý nước thải	307.284.800	307.284.800
Các đội xây lắp	-	-
<b>b) Phải thu nội bộ dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>2.203.080.160</b>	<b>2.203.080.160</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH**

Địa chỉ: Số 57 Ngô Gia Tự, Thành Phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/05/2017 và kết thúc vào ngày 30/09/2017

**V.6. Các khoản phải thu khác**

	30/09/2017		01/05/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>4.328.893.694</b>		<b>2.596.249.231</b>	
Tạm ứng cho nhân viên các đội	4.328.893.694	-	2.596.249.231	-
<b>b) Phải thu dài hạn khác</b>	<b>856.324.843</b>		<b>856.324.843</b>	
Chênh lệch đánh giá lại khoản đầu tư	856.324.843	-	856.324.843	-
<b>Cộng</b>	<b>5.185.218.537</b>	<b>-</b>	<b>3.452.574.074</b>	<b>-</b>

**V.7. Hàng tồn kho**

	30/09/2017		01/05/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	7.922.105.070	-	7.647.620.572	-
Công cụ, dụng cụ	21.460.113	-	11.316.113	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.143.257.805	-	4.706.085.951	-
Thành phẩm	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>12.086.822.988</b>	<b>-</b>	<b>12.365.022.636</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH**

Địa chỉ: Số 57 Ngô Gia Tự, Thành Phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/05/2017 và kết thúc vào ngày 30/09/2017

**V.8. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Trang thiết bị văn phòng	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
<b>NGUYỄN GIÁ</b>						
Số dư 01/05/2017	64.058.978.790	12.630.284.810	204.213.250.232	1.455.571.272	117.759.369.603	400.117.454.707
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	370.000.000	8.703.792.102	-		9.073.792.102
Số dư cuối 30/09/2017	64.058.978.790	13.000.284.810	212.917.042.334	1.455.571.272	117.759.369.603	409.191.246.809
<i>Trong đó:</i>						
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư 01/05/2017	29.480.477.774	6.385.482.100	86.298.642.665	597.976.125	63.637.367.156	186.399.945.820
Khấu hao trong kỳ	1.255.097.465	575.518.235	3.001.873.859	96.396.635	1.578.642.308	6.507.528.502
Số dư cuối 30/09/2017	30.735.575.239	6.961.000.335	89.300.516.524	694.372.760	65.216.009.464	192.907.474.322
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày đầu 01/05/2017	34.578.501.016	6.244.802.710	117.914.607.567	857.595.147	54.122.002.447	213.717.508.887
Tại ngày cuối 30/09/2017	33.323.403.551	6.039.284.475	123.616.525.810	761.198.512	52.543.360.139	216.283.772.487

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH**

Địa chỉ: Số 57 Ngô Gia Tự, Thành Phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/05/2017 và kết thúc vào ngày 30/09/2017

**V.9. Tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Chi phí lập dự án đền bù giải phóng mặt bằng	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư 01/05/2017	5.649.415.300	38.000.000	5.687.415.300
Số dư cuối 30/09/2017	5.649.415.300	38.000.000	5.687.415.300
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư đầu 01/05/2017	1.393.292.323	5.063.667	1.398.355.990
Khấu hao trong kỳ	168.137.360	3.166.667	171.304.027
Số dư cuối 30/09/2017	1.561.429.683	8.230.333	1.569.660.016
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày đầu 01/05/2017	4.256.122.977	32.936.333	4.289.059.310
Tại ngày cuối 30/09/2017	4.087.985.617	29.769.667	4.117.755.284

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH**

Địa chỉ: Số 57 Ngô Gia Tự, Thành Phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2017 (Tiếp theo)****V.10. Tài sản dở dang dài hạn**

	30/09/2017		01/05/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn</b>				
Công trình Đình Bằng-Từ Sơn	1.061.142.288	1.061.142.288	1.679.147.806	1.679.147.806
Bệnh viện tỉnh Bắc Ninh	4.772.386.367	4.772.386.367	4.772.201.117	4.772.201.117
Bệnh viện y tế	7.402.538.707	7.402.538.707	7.384.363.707	7.384.363.707
Công trình khác	166.248.500	166.248.500	166.248.500	166.248.500
<b>Cộng</b>	<b>13.402.315.862</b>	<b>13.402.315.862</b>	<b>14.001.961.130</b>	<b>14.001.961.130</b>
<b>b. Xây dựng cơ bản dở dang</b>				
Công trình tuyến truyền tải D350 dọc theo QL38 Hạp Lĩnh	22.697.797.710	22.697.797.710	20.340.537.496	20.340.537.496
Công trình tuyến ống dịch vụ Nam Sơn Mạng lưới cấp nước dịch vụ cho khu vực chưa có nước sạch 2015	-	-	6.518.816.122	6.518.816.122
Tuyến truyền tải D355 Gia Bình	7.865.752.947	7.865.752.947	7.589.164.018	7.589.164.018
Tuyến ống truyền tải D630	757.061.618	757.061.618	6.345.556.153	6.345.556.153
Các công trình khác	20.712.757.926	20.712.757.926	17.548.479.058	17.548.479.058
	29.582.276.688	29.582.276.688	58.342.552.847	58.342.552.847
<b>Cộng</b>	<b>81.615.646.889</b>	<b>81.615.646.889</b>	<b>58.342.552.847</b>	<b>58.342.552.847</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH**

Địa chỉ: Số 57 Ngô Gia Tự, Thành Phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2017 (Tiếp theo)****V.11. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

	30/09/2017		01/05/2017			
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Bắc Ninh	1.650.000.000	1.650.000.000	-	3.300.000.000	3.300.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.650.000.000</b>	<b>1.650.000.000</b>	<b>-</b>	<b>3.300.000.000</b>	<b>3.300.000.000</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH**

Địa chỉ: Số 57 Ngô Gia Tự, Thành Phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2017 (Tiếp theo)****V.11.1 Thuyết minh bổ sung về công ty liên kết**

	<b>Phần sở hữu</b>	<b>Tỷ lệ quyền</b>
	<b>(%)</b>	<b>biểu quyết</b>
	<b>(%)</b>	<b>(%)</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Bắc Ninh	20,63%	20,63%

**V.12. Chi phí trả trước**

	<b>30/09/2017</b>	<b>01/05/2017</b>
a) Chi phí trả trước ngắn hạn	-	-
b) Phải thu nội bộ dài hạn	<b>1.215.280.053</b>	<b>1.098.086.550</b>
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	709.598.235	423.844.126
Chi phí thối rửa giếng	505.681.818	674.242.424
<b>Cộng</b>	<b>1.215.280.053</b>	<b>1.098.086.550</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH**

Địa chỉ: Số 57 Ngô Gia Tự, Thành Phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2017 (Tiếp theo)****V.13. Phải trả người bán**

	30/09/2017	01/05/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị
			Số có khả năng trả nợ
<b>a) Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>32.231.205.809</b>	<b>32.231.205.809</b>	<b>24.717.297.319</b>
Công ty cổ phần Cúc Phương	381.841.636	381.841.636	3.846.738.955
Công ty TNHH QC & TM Phúc Lộc	21.139.736.378	21.139.736.378	8.270.083.552
Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Bắc Ninh	4.603.625.815	4.603.625.815	7.900.713.605
Phải trả người bán ngắn hạn khác	6.106.001.980	6.106.001.980	4.699.761.207
<b>b) Phải trả người bán dài hạn</b>	<b>730.766.825</b>	<b>730.766.825</b>	<b>6.985.716.284</b>
Công ty TNHH Chế tạo thiết bị điện Hà Nội	-	-	1.174.010.289
Công ty TNHH Xây dựng và SX Thành An Dương	-	-	2.763.403.939
Phải trả cho các đối tượng khác	730.766.825	730.766.825	3.048.302.056
<b>Cộng</b>	<b>32.961.972.634</b>	<b>32.961.972.634</b>	<b>31.703.013.603</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH**

Địa chỉ: Số 57 Ngô Gia Tự, Thành Phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2017 (Tiếp theo)****V.14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Nội dung	01/05/2017	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/09/2017
<b>a) Phải nộp</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	29.444.268	1.131.365.058	190.525.743	970.283.583
Thuế Tài nguyên	44.430.375	217.401.840	229.471.906	32.360.309
Các khoản phí, lệ phí phải nộp khác	3.969.366.750	6.288.937.674	6.500.000.000	3.758.304.424
<b>Cộng</b>	<b>4.043.241.393</b>	<b>7.637.704.572</b>	<b>6.919.997.649</b>	<b>4.760.948.316</b>
<b>b) Phải thu</b>				
Thuế GTGT	3.448.249.292	2.838.976.305	4.075.048.072	4.684.321.059
<b>Cộng</b>	<b>3.448.249.292</b>	<b>2.838.976.305</b>	<b>4.075.048.072</b>	<b>4.684.321.059</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH**

Địa chỉ: Số 57 Ngô Gia Tự, Thành Phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2017 (Tiếp theo)****V.15. Phải trả nội bộ**

	<u>30/09/2017</u>	<u>01/05/2017</u>
<b>a) Phải trả nội bộ ngắn hạn</b>	<b>1.063.494.923</b>	<b>641.778.366</b>
Nguyễn Văn Cường NM nước Lương Tài	614.549.933	566.086.012
Vũ Đình Cường NM nước Quế Võ	97.236.803	75.692.354
NMN Chờ	85.094.000	
Gia Bình	82.764.187	
CBCNV Công ty	183.850.000	
Đối tượng khác	-	-
<b>b) Phải trả dài hạn khác</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b><u>1.063.494.923</u></b>	<b><u>641.778.366</u></b>

**V.16. Phải trả khác**

	<u>30/09/2017</u>	<u>01/05/2017</u>
<b>a) Phải trả ngắn hạn khác</b>	<b>969.948.805</b>	<b>8.827.436.548</b>
Quỹ khen thưởng phúc lợi	652.592.445	1.033.092.445
cổ đông góp vốn+Lãi phải trả cổ đông	138.519.439	138.519.439
Đội 1	-	785.273.708
Đội 3	83.830.422	1.467.109.290
Đội 5	-	-
Đội 6	-	4.889.896.816
Tổ XL số 1	-	245.133.637
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	95.006.499	268.411.213
<b>b) Phải trả dài hạn khác</b>	<b>61.679.873.775</b>	<b>47.433.410.079</b>
Phải trả vốn hỗ trợ các dự án	47.350.325.163	47.433.410.079
Dự án cấp nước giai đoạn 2	828.688.451	-
Đội 1	785.273.708	-
Đội 3	1.467.109.290	-
Đội 5	4.800.000.000	-
Đội 6	4.899.077.163	-
Các khoản phải trả dài hạn khác	1.549.400.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>62.649.822.580</u></b>	<b><u>56.260.846.627</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH**

Địa chỉ: Số 57 Ngô Gia Tự, Thành Phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2017 (Tiếp theo)****V.17. Vay và nợ thuê tài chính**

Nội dung	30/09/2017		Trong kỳ		01/05/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Gốc vay ngắn hạn</b>						
Vay ngắn hạn NH BIDV	19.263.893.680	19.263.893.680	29.851.893.680	10.588.000.000		
<b>b. Gốc vay dài hạn</b>						
Vay dài hạn BTC	37.023.851.200	37.023.851.200	-	1.458.765.000	38.482.616.200	38.482.616.200
Vay dài hạn NH BIDV	22.961.147.835	22.961.147.835	1.261.461.524	998.284.760	22.697.971.071	22.697.971.071
<b>Cộng</b>	<b>79.248.892.715</b>	<b>79.248.892.715</b>	<b>31.113.355.204</b>	<b>13.045.049.760</b>	<b>61.180.587.271</b>	<b>61.180.587.271</b>
<b>c. Phần loại gốc vay dài hạn đến hạn trả tại thời điểm lập BCTC</b>						
Bộ Tài chính	5.735.330.000	5.735.330.000			5.735.330.000	5.735.330.000
Ngân hàng BIDV	2.917.530.000	2.917.530.000			2.917.530.000	2.917.530.000
<b>d. Số dư tại thời điểm lập BCTC</b>						
d1. Vay và nợ ngắn hạn	24.999.223.680	24.999.223.680			5.735.330.000	5.735.330.000
d2. Vay và nợ dài hạn	54.249.669.035	54.249.669.035			55.445.257.271	55.445.257.271

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2017 (Tiếp theo)**

(i) Hợp đồng thầu chi số 01/2017/4474024/HĐ ngày 29/06/2017 với hạn mức tín dụng 40.075.520.000 đồng với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn hiệu lực của hạn mức thầu chi: 103 ngày từ ngày 30/06/2017 đến 10/10/2017. Lãi suất 6,1%/năm với tài sản thế chấp là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn của Công ty.

(ii) Ngày 16 tháng 12 năm 2009, Công ty ký hiệp định vay lại với Bộ Tài chính với mục đích để bổ sung dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp thoát nước đô thị thị trấn Chờ, huyện Yên Phong; thị trấn Gia Bình, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh.

Theo đó, Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh sẽ hoàn trả cho Bộ Tài Chính số nợ gốc trong vòng 20 năm trong đó có 3 năm ân hạn. Như vậy, Công ty thực hiện hoàn trả các khoản vay theo 34 bán niên bằng nhau vào ngày 1/6 và 1/12 hàng năm. Lãi vay được miễn trả lãi trong thời gian ân hạn, sau đó trả lãi vào 1/6 và 1/12 với lãi suất 3%/năm.

Ngày 17/07/2005, Công ty ký hiệp định vay lại Bộ Tài chính với mục đích đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước tại thị trấn Lim, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, Công ty hoàn trả nợ gốc và lãi trong vòng 20 năm trong đó có 3 năm ân hạn. Công ty thực hiện hoàn trả các khoản vay theo 34 bán niên bằng nhau vào ngày 1/6 và 1/12 hàng năm. Lãi vay được miễn trả lãi trong thời gian ân hạn, sau đó trả lãi vào 1/6 và 1/12 với lãi suất 6%/năm. Hợp đồng vay là hợp đồng tín chấp.

(iii) Bao gồm 7 hợp đồng vay dài hạn với mục đích xây các đường ống cấp nước ở các xã trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh với thời hạn vay là 10 năm. Lãi suất vay 11%/năm trong 6 tháng đầu tiên và sau đó được điều chỉnh 6 tháng 1 lần, lãi suất cho vay được xác định bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau cộng (+) margin 4%/năm. Hợp đồng vay được thế chấp tài sản đảm bảo hình thành trong tương lai.

**V.18.Vốn chủ sở hữu****V.18.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại ngày 01/05/2017	375.069.419.928	-	375.069.419.928
-Lãi trong kỳ	-	4.717.960.228	4.717.960.228
<b>Số dư tại ngày 30/09/2017</b>	<b>375.069.419.928</b>	<b>4.717.960.228</b>	<b>379.787.380.156</b>

**V.18.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	30/09/2017 (VND)	01/05/2017 (VND)
- Vốn góp của Nhà nước	183.778.299.928	183.778.299.928
- Vốn góp của các cổ đông	191.291.120.000	191.291.120.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2017 (Tiếp theo)**

<b>Cộng</b>	<b><u>375.069.419.928</u></b>	<b><u>375.069.419.928</u></b>
-------------	-------------------------------	-------------------------------

**V.18.3. Cổ phiếu**

	<b>30/09/2017</b>	<b>01/05/2017</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	<b>37.549.391</b>	<b>37.549.391</b>
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	<b>37.549.391</b>	<b>37.549.391</b>
+ Cổ phiếu phổ thông	<i>37.549.391</i>	<i>37.549.391</i>
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (CP quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	<b>37.549.391</b>	<b>37.549.391</b>
+ Cổ phiếu phổ thông	<i>37.549.391</i>	<i>37.549.391</i>
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000 đồng/cổ phiếu



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH**

Địa chỉ: Số 57 Ngô Gia Tự, Thành Phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2017 (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/05/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

**6.THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****VI.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>1/7/17-30/9/17</u>	<u>1/5/17-30/9/17</u>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	31.268.436.077	49.020.047.274
Doanh thu nước sạch	26.241.741.015	41.260.568.411
Doanh thu cho thuê tài sản	196.754.760	397.509.520
Doanh thu xây lắp	4.829.940.302	7.361.969.343
<b>Cộng</b>	<b>31.268.436.077</b>	<b>49.020.047.274</b>

**VI.2. Giá vốn hàng bán**

	<u>1/7/17-30/9/17</u>	<u>1/5/17-30/9/17</u>
Giá vốn bán nước sạch	18.288.977.775	31.585.916.456
Giá vốn nước tinh khiết	11.837.940	18.511.326
Giá vốn cho thuê tài sản	185.292.869	319.513.115
Giá vốn hoạt động xây lắp	4.710.174.315	7.100.342.546
Các khoản chi phí vượt mức bình thường		
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
<b>Cộng</b>	<b>23.196.282.899</b>	<b>39.024.283.443</b>

**VI.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>1/7/17-30/9/17</u>	<u>1/5/17-30/9/17</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	442.172.681	526.871.740
<b>Cộng</b>	<b>442.172.681</b>	<b>526.871.740</b>

**VI.4. Chi phí tài chính**

	<u>1/7/17-30/9/17</u>	<u>1/5/17-30/9/17</u>
Lãi tiền vay	605.795.096	809.425.762
<b>Cộng</b>	<b>605.795.096</b>	<b>809.425.762</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH**

Địa chỉ: Số 57 Ngô Gia Tự, Thành Phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2017 (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/05/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

<b>VI.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
	<u>1/7/17-30/9/17</u>	<u>1/5/17-30/9/17</u>
Chi phí nhân viên quản lý	541.575.146	1.268.685.214
Chi phí vật liệu quản lý	52.706.227	70.243.954
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.530.767.558	1.549.638.672
Thuế, phí và lệ phí	2.484.000	5.847.182
Chi phí dịch vụ mua ngoài	297.174.656	461.460.256
Chi phí bằng tiền khác	331.106.614	517.342.011
<b>Cộng</b>	<b>2.755.814.201</b>	<b>3.873.217.289</b>
<b>VI.6. Thu nhập khác</b>		
	<u>1/7/17-30/9/17</u>	<u>1/5/17-30/9/17</u>
Thanh lý vật tư		35.045.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>35.045.000</b>
<b>VI.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</i>		
	<u>1/7/17-30/9/17</u>	<u>1/5/17-30/9/17</u>
Lợi nhuận trước thuế	5.149.004.328	5.871.325.286
Điều chỉnh tăng	-	-
<b>Điều chỉnh giảm</b>	<b>214.500.000</b>	<b>214.500.000</b>
Doanh thu đã tính vào thu nhập chịu thuế công ty liên kết	214.500.000	214.500.000
<b>Lợi nhuận trước thuế trước điều chỉnh lỗ năm trước</b>	<b>4.934.504.328</b>	<b>5.656.825.286</b>
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành</b>	<b>986.900.866</b>	<b>1.131.365.057</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>986.900.866</b>	<b>1.131.365.057</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH**

Địa chỉ: Số 57 Ngô Gia Tự, Thành Phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2017 (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/05/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

**7.THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**VII.1 Số tiền đi vay thực thu trong kỳ:**


Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường: 31.113.355.204 VND

**VII.2 Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:**

Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường: 13.045.049.760 VND

Bắc Ninh, ngày 16 tháng 10 năm 2017

**NGƯỜI LẬP BIỂU**



**Nguyễn Thu Dung**

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**



**Nguyễn Đình Tôn**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Vũ Hữu Tân**

